

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành

2. Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N – sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông T – sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày:

Bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 01/10/2019. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè, không chăm lo cho vợ con. Đầu tháng 11/2020, bà đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án, sau đó ông T mong muốn bà cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nên bà đã rút đơn. Hai vợ chồng bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả tốt đẹp. Bà và ông T đã ly thân từ cuối tháng 11/2020 đến nay. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 30/12/2019. Hiện nay, cháu P đang sinh sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà N, chấp nhận cho bà N được ly hôn ông T, giao con chung là cháu P, sinh ngày 30/12/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 01/10/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà N cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T rượu chè, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Bà N đã từng nộp đơn xin ly

hôn ông T tại Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh vào tháng 11/2021 nhưng sau đó rút đơn để hai bên hàn gắn hạnh phúc gia đình, tuy nhiên ông T không sửa đổi nên nay bà tiếp tục yêu cầu xin ly hôn ông T. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông T nên cương quyết xin ly hôn ông T.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Điều này chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà N. Như vậy, lời khai của bà N về việc gia đình bà có mâu thuẫn, không hạnh phúc là có cơ sở. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà N và bản sao trích lục Giấy khai sinh của cháu P, sinh ngày 30/12/2019 do Ủy ban nhân dân xã D cấp ngày 18/02/2020 có cơ sở xác định cháu P là con chung của bà N và ông T. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu P còn nhỏ tuổi, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu P, sinh ngày 30/12/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn ông T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu P, sinh ngày 30/12/2019 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không

ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, Bà N, ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007443 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND phường Đ, TP P, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Mai